

NHỮNG GIÁ TRỊ CỦA LUẬT TỤC VỀ ĐẤT ĐAI, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI VÙNG TÂY NGUYÊN⁽¹⁾

TÔ VĂN HOÀ *

Tóm tắt: Tình trạng tranh chấp đất đai ở vùng Tây Nguyên trong những năm vừa qua diễn ra hết sức gay gắt, trong đó có nhiều tranh chấp liên quan tới đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ - nhóm dân cư chiếm số lượng thứ hai ở khu vực này hiện nay. Bài viết cung cấp một góc nhìn về luật tục các dân tộc Tây Nguyên điều chỉnh mối quan hệ liên quan tới đất đai cũng như các cơ chế giải quyết tranh chấp đất đai truyền thống và rút ra những giá trị đáng tham khảo phục vụ cho việc giải quyết một cách hiệu quả các tranh chấp đất đai có liên quan tới dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên trong giai đoạn hiện nay. Các giá trị đó bao gồm: đề cao tinh thần hoà giải giữa hai bên; đề cao uy tín của người phân xử; coi trọng lí lẽ, chứng cứ trong phân xử; quá trình phân xử tranh chấp luôn thể hiện tính khách quan, trung thực, công khai và minh bạch.

Từ khoá: Luật tục, Tây Nguyên, tranh chấp đất đai

Nhận bài: 12/4/2020

Hoàn thành biên tập: 04/6/2020

Duyệt đăng: 03/7/2020

VALUES OF CUSTOMARY LAW ON LAND AND LAND DISPUTE RESOLUTION IN THE CENTRAL HIGHLANDS OF VIETNAM

Abstract: During the recent years, land conflicts have been going on with elevating complexity in the Central Highlands of Vietnam, in which many concern local ethnic minorities, the second largest population group in this region. The paper provides a perspective on the customary law of ethnic groups of the Central Highlands which regulate land relationships as well as traditional land dispute resolution mechanisms and draws some useful lessons to effectively resolve land disputes involving ethnic people in the Central Highlands at present. Those useful lessons include: appreciation of the spirit of mediation between disputing parties; respect for reputation of the mediator; respect for reasoning and evidence during the course of dispute resolution; and the objectivity, honesty, transparency and publicity of the dispute resolution mechanisms.

Keywords: Customary law; the Central Highlands; land dispute

Received: Apr 12th, 2020; Editing completed: June 4th, 2020; Accepted for publication: July 3rd, 2020

* Phó giáo sư, tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội
E-mail: tovanhoa@hlu.edu.vn

(1). Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ đề tài “Nghiên cứu giải quyết tình trạng tranh chấp đất đai bảo đảm phát triển bền vững vùng Tây Nguyên trong bối cảnh hiện nay” (TN18/X07) thuộc Chương trình nghiên cứu cấp Nhà nước “Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội Tây Nguyên trong liên kết vùng và hội nhập quốc tế” (KHCHN-TN/16-20).

Nói tới luật tục Tây Nguyên là nói tới luật tục của đồng bào các dân tộc thiểu số tại chỗ lớn như Ba Na, Ê Đê, Gia Rai. Luật tục bao gồm các quy tắc, tập tục điều chỉnh mọi mặt của đời sống xã hội trong một cộng đồng người dân tộc. Các quy tắc này được hình thành dưới dạng những câu hát được khẩu truyền từ đời này qua đời khác và

được duy trì bởi những người có uy tín trong cộng đồng. Một phần của các quy tắc này điều chỉnh về vấn đề sở hữu, sử dụng đất đai cùng với các phương thức giải quyết tranh chấp khi có vi phạm. Không thể phủ nhận rằng, vai trò của luật tục trong giai đoạn hiện nay không còn được như xưa bởi sự pha trộn trong phân bố dân số giữa các nhóm dân tộc thiểu số tại chỗ và các nhóm sắc tộc khác trên cùng một địa bàn là rất lớn. Mặc dù vậy, ở những nơi cộng đồng dân tộc thiểu số sinh sống một cách khá thuần nhất thì vai trò của luật tục vẫn còn phát huy tác dụng, đặc biệt khi xảy ra tranh chấp giữa những thành viên của cộng đồng dân tộc thiểu số tại chỗ thì luật tục vẫn được sử dụng làm căn cứ giải quyết.⁽²⁾ Hơn nữa, luật tục cũng là sự phản ánh quan niệm của đồng bào dân tộc thiểu số ngàn đời nay về các quan hệ xã hội, trong đó có quan hệ với đất đai, về sở hữu và sử dụng đất đai. Với sức sống mạnh mẽ qua thời gian, các quy định trong luật tục Tây Nguyên về đất đai, giải quyết tranh chấp đất đai là những giá trị đáng trân trọng và tham khảo. Phân tích những giá trị đó có thể góp phần đề ra hướng giải quyết các tranh chấp đất đai có liên quan tới đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên trong giai đoạn hiện nay.

1. Luật tục Tây Nguyên về quyền sở hữu và sử dụng đất đai

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, theo luật tục cổ truyền của các dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên, đất đai và rừng đều thuộc quyền sở hữu tối cao của cộng đồng buôn

làng sở tại. Tất cả các loại đất từ đất canh tác, đất rừng khai thác, đất thiêng, đất sinh hoạt chung... và tài nguyên thiên nhiên trong phạm vi đất đó đều thuộc sở hữu chung của buôn làng. Chủ thể của sở hữu chung ở đây thường là một buôn làng hoặc trong những trường hợp cụ thể một số loại đất rừng thiêng có thể sở hữu chung của một số buôn làng có vị trí liền kề nhau. Trong mọi trường hợp, chủ thể tối cao sở hữu đất đai luôn là cộng đồng chứ không phải cá nhân cụ thể. Đây là điểm đặc thù trong quan niệm sở hữu đất đai của luật tục Tây Nguyên.⁽³⁾

Chủ sở hữu cao nhất của đất đai theo quan niệm của luật tục các dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên - Cộng đồng là khái niệm rộng và trừu tượng, đó là sự kết nối thiêng liêng giữa các thế hệ từ ông, bà tổ tiên trước đây truyền lại qua các thế hệ dân cư sinh sống trong buôn làng. Ở góc độ đó, tập thể dân cư của buôn làng hiện tại cũng chỉ là một phần trong khái niệm chủ sở hữu đất. Trong mối quan hệ này, cộng đồng dân cư hiện tại có trách nhiệm gìn giữ, bảo vệ đất đai do tổ tiên ông bà để lại. Luật tục Ba Na thể hiện rõ gốc gác của đất đai:

“Đất của bà xưa ông cũ để lại.

Đất là cái nông, cái nia, cái lưng ông bà.

Đất sinh ra hạt lúa, đất đẻ hạt đậu.

Người có đất phải lo chăm đất...”⁽⁴⁾

So với luật tục Ba Na, luật tục Ê Đê quy

(2). Buôn Krông Tuyết Nhung, *Luật tục Bahnar*, Nxb. Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 2019, tr. 130 - 135.

(3). Vũ Đình Lợi, Bùi Minh Đạo, Vũ Thị Hồng, *Sở hữu và sử dụng đất đai ở các tỉnh Tây Nguyên*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000, tr. 43; Nguyễn Quang Tuyên, “Vai trò của luật tục Bahnar, Jrai trong quản lý sử dụng đất đai, môi trường và bảo vệ rừng”, *Tạp chí Luật học*, số 12/2012, tr. 59 - 67.

(4). Buôn Krông Tuyết Nhung, sdd, tr. 645 - 647.

định rõ hơn về việc đất đai được truyền lại từ đời này sang đời khác và đời sau có trách nhiệm bảo vệ đất đai do đời trước để lại:

“Nếu cậu chết thì để lại cho cháu (cháu trai của cậu); nếu bà chết thì để lại cho cháu (cháu gái của bà tính theo dòng nữ) sẽ thừa kế; người này chết thì để lại cho người khác.

Hễ còn một người, là đàn ông (là cậu hay cháu của cậu) hay đàn bà, là vẫn còn người trông nom cái nông, cái nia, là vẫn còn người chăm nom cái lưng của ông bà.

Người đó sẽ trông coi đất đai, thăm nom rừng rú, tự mình phải chăm nom mảnh đất mà mình là chủ.

Khi con đã lớn, họ phải dạy, khi cháu đã khôn, họ phải bảo, hễ đứt là phải nói, hễ yếu là phải buộc lại cho vững”.⁽⁵⁾

Trên cơ sở quan niệm đất đai thuộc sở hữu cộng đồng với sự truyền nối thiêng liêng, mỗi làng đều xác định ranh giới đất đai của mình. Tất nhiên, việc xác định ranh giới được thực hiện từ xa xưa và đôi khi chỉ dựa vào các ranh giới tự nhiên được mô tả khá trừu tượng. Trong phạm vi khu vực địa lí do buôn làng cai quản, luật tục các dân tộc Tây Nguyên đều coi toàn bộ đất đai và tài nguyên trong phạm vi đất đai, rừng, lâm sản, nước đều thuộc sở hữu chung. Chế độ sở hữu chung được thực hiện qua vai trò của một người đại diện là “chủ đất”. Tên gọi cụ thể của chủ đất có thể khác nhau theo các dân tộc khác nhau. Người Ê Đê gọi chủ đất là “Pô Lăn”, người Ba Na gọi là “Tom plei”,

(5). Điều 229, Chương XI Luật tục Ê Đê. Nguồn: Ngô Đức Thịnh, Chu Thái Sơn, *Luật tục Ê Đê (Tập quán pháp)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 221, 222.

người Gia Rai gọi là “Khoa lon”.... Đa số các dân tộc tại chỗ Tây Nguyên theo chế độ mẫu hệ nên đại diện cho quyền sở hữu chung thường là một người phụ nữ.⁽⁶⁾

Trong phạm vi đất đai chung của buôn làng, mỗi thành viên đều có thể có phần đất riêng của họ. Đó là những đám rẫy, đám đất để canh tác, để ở mà các cá nhân, các gia đình có quyền chiếm hữu và sử dụng. Phần diện tích còn lại đương nhiên chỉ thuộc sở hữu tập thể của buôn làng, bao gồm chủ yếu đất rừng chưa khai thác hoặc không được khai thác, đất nhà Rông, đất thiêng, giọt nước⁽⁷⁾... Cách xác định ranh giới đất của cá nhân hoặc hộ gia đình cụ thể ở các dân tộc có thể khác nhau song nhìn chung đều dựa trên nguyên tắc ai chiếm trước thì được trước. Chẳng hạn, “ở người Ê Đê, chỗ bỏ xuống nhát cuốc đầu tiên hoặc chỗ khai đao được coi là chân rẫy, còn chiều rộng của rẫy thì mỗi người tùy nhu cầu mà cắm mốc làm giới hạn. Cái mốc đó có thể là cây Konia, một tảng đá, một cọc gộc, một khe nước, một dòng sông, một đường mòn, một cánh rừng, ... là hướng rẫy sẽ ăn lan ra, được đồng bào gọi là phía trước rẫy, nơi người ta cấm việc

(6). Ngô Đức Thịnh, Chu Thái Sơn, sđd, Điều 229, Chương XI, tr. 221.

(7). Giọt nước thường là nơi triền đồi có mạch nước ngầm bên trong. Người Ba Na cắm ống nước vào sườn đồi cho nước chảy ra tạo thành các khu vực để lấy nước nên gọi là bến nước hay giọt nước. Đây cũng là nơi dân làng đến tắm rửa và lấy nước về sinh hoạt. Nước ở đây trong đến nỗi dân làng thậm chí còn lấy về uống trực tiếp. Giọt nước có vai trò quan trọng trong đời sống buôn làng Ba Na vì nó cung cấp nước cho toàn buôn. Nếu vì lí do nào đó mà nước ở giọt nước cạn thì buôn làng sẽ dời làng đi, tìm đến nơi có giọt nước mới.

khai thác rẫy mới cắt ngang qua hướng đó”.⁽⁸⁾ Đối với dân tộc Ba Na, “người nào đã đánh dấu một một khu rừng hoặc một cây rừng đầu tiên thì coi như mảnh rừng và cây ấy thuộc quyền sở hữu của người đó, người khác không được quyền xâm phạm”.⁽⁹⁾ Luật tục Ba Na quy định: “Quyền sở hữu tư nhân [đối với đất đai] sẽ được thừa nhận nếu cá nhân đã bỏ công sức và của cải của mình để khai thác. Ranh giới sở hữu được xác định bằng các hiện tượng đánh dấu như: tước một đoạn vỏ ở gốc cây, buộc một vòng dây quanh gốc, xếp đá xung quanh mảnh đất...”.⁽¹⁰⁾

Quyền của người chủ đất và người chiếm hữu, sử dụng đất cũng có sự phân biệt khá rõ ràng trong luật tục Tây Nguyên. Người chủ đất là người đại diện sở hữu đất của buôn làng nên có những đặc quyền mà người khác không có. Theo luật tục Ê Đê, người chủ đất là người giữ đất đai của ông bà, trông coi rừng của tổ tiên để lại. Trong rừng có những cây klong, kjar là những cây hay có ong về làm tổ và những cây này chỉ thuộc quyền khai thác của chủ đất.⁽¹¹⁾ Những người khác đều bị cấm khai thác hoặc trèo lên những cây này. Người chủ đất có quyền và nhiệm vụ đi thăm đất 7 năm một lần. Khi đi thăm đất họ được cả dân làng biếu gạo, rá thóc, gửi thóc và các sản vật. Đó được coi là những vật

cúng lễ để đem lại sức khỏe và hạnh phúc đến với chính người dân.⁽¹²⁾ Chủ đất còn thường xuyên được dân làng giúp đỡ, đem nhiều củi, nhiều nước, làm nhà cửa, nương rẫy, chăm nom khi chủ đất đau ốm...⁽¹³⁾ Bên cạnh những đặc quyền, chủ đất còn được xem là biểu tượng của chủ quyền của buôn làng đối với đất đai do ông bà để lại. Ở góc độ nào đó, chủ đất là người bảo vệ cho sự toàn vẹn của đất đai.⁽¹⁴⁾

Đối với người chiếm hữu đất, quyền đầu tiên mà họ được hưởng là quyền khai thác đất mà họ đã chiếm hữu hợp pháp. Luật tục Ê Đê quy định:

“Phần chúng ta (người chiếm hữu đất), ai ai cũng có quyền đốt rẫy, bắt cá bất cứ nơi nào.

Ai ai cũng có quyền trèo lên lấy mật bất cứ ở rừng thấp, bụi bờ nào.

Cây le, cây lồ ô, tranh tre để làm nhà, ai ai cũng đều có quyền lấy, không phải trả gì cho ai.

Ai ai cũng có quyền đốt rừng săn thú, đánh bắt cá, không phải cữ kiêng gì”.⁽¹⁵⁾

Quan trọng hơn, người chiếm hữu, sử dụng đất có quyền truyền lại đất cho thế hệ con cháu. Đây là nét đặc thù trong quan niệm của người dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên. Sự kế thừa là căn cứ pháp lý hết sức quan trọng để xác định “chủ quyền” của

(8). Vũ Đình Lợi, Bùi Minh Đạo, Vũ Thị Hồng, *Sở hữu và sử dụng đất đai ở các tỉnh Tây Nguyên*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000, tr. 51.

(9). Buôn Krông Tuyết Nhung, sđd, tr. 95.

(10). Điều 2 Luật tục Na Ba. Xem: Buôn Krông Tuyết Nhung, sđd, tr. 649.

(11). Điều 231, Chương XI Luật tục Ê Đê. Xem: Ngô Đức Thịnh, Chu Thái Sơn, sđd, 232, tr. 222, 223.

(12). Điều 236, Chương XI Luật tục Ê Đê. Xem: Ngô Đức Thịnh, Chu Thái Sơn, sđd, tr. 226.

(13). Điều 232, Chương XI Luật tục Ê Đê. Xem: Ngô Đức Thịnh, Chu Thái Sơn, sđd, tr. 223.

(14). Điều 236, Chương XI Luật tục Ê Đê. Xem: Ngô Đức Thịnh, Chu Thái Sơn, sđd, tr. 226.

(15). Điều 232, Chương XI Luật tục Ê Đê. Xem: Ngô Đức Thịnh, Chu Thái Sơn, sđd, tr. 223.

người nào đó đối với đất. Những khái niệm như “đất cha ông”, “đất ông bà” thực sự đem lại niềm tin mạnh mẽ về quyền mà thế hệ sau phải có đối với đất đai mà thế hệ trước đã khai phá.⁽¹⁶⁾

Bên cạnh được hưởng quyền, người chiếm hữu đất cũng phải có một số nghĩa vụ đối với đất đai của mình. Trước tiên, họ phải có nghĩa vụ chăm sóc đất đai vì đó là đất đai của ông bà để lại, nếu để người khác lấn chiếm thì đó là tội nặng. Bên cạnh đó, luật tục Tây Nguyên thường ngăn cấm việc chuyển nhượng đất đai ra bên ngoài. Đặc biệt việc bán đất ra bên ngoài là điều cấm kỵ. Việc chuyển nhượng, đổi đất canh tác vẫn có thể diễn ra song chủ yếu trong phạm vi các thành viên của buôn làng và phải làm lễ trang trọng. Đối với nghi lễ chuyển nhượng toàn bộ quyền chiếm hữu đất cho người khác luôn được làm trang trọng nhất với sự làm chứng của các thế hệ trong làng từ người già tới người trung niên và trẻ con. Người già chứng giám sự đúng đắn về lai lịch của mảnh đất, người trung niên chứng giám người chủ mới và trẻ con là người làm chứng trong tương lai.⁽¹⁷⁾

Tóm lại, trong luật tục truyền thống của Tây Nguyên về đất đai có một số nội dung nổi bật chi phối sâu sắc tới quan niệm của người dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên về vấn đề sở hữu, chiếm hữu và sử dụng đất đai cho tới tận ngày nay. *Thứ nhất*, đất đai là

thiên liêng, là sự truyền lại từ tổ tiên, ông bà, là sự gắn kết qua nhiều thế hệ. Đất đai của ông bà có nghĩa là đất đai của thế hệ con cháu. Đất đai thuộc sở hữu chung của buôn làng do chủ đất là người đại diện trông coi và bảo vệ. *Thứ hai*, người dân có quyền chiếm hữu và sử dụng đối với những khoảnh đất chưa có người chiếm hữu. Họ có quyền khai thác đất đai mà họ chiếm hữu hợp pháp và có trách nhiệm bảo vệ đất đai. *Thứ ba*, đất đai của tổ tiên ông bà truyền lại, người đang chiếm hữu, sử dụng có quyền khai thác, song họ có nghĩa vụ duy trì mảnh đất đó trong phạm vi cộng đồng buôn làng sở tại. Việc bán, chuyển nhượng lại đất không được khuyến khích, đặc biệt không được bán hoặc chuyển nhượng đất cho người bên ngoài cộng đồng buôn làng. Việc chuyển nhượng đất đai trong buôn, nếu có, phải được làm với nghi lễ trang trọng để ghi nhận sự thay đổi trong chủ chiếm hữu, sử dụng miếng đất.

2. Luật tục về các hành vi xâm phạm đất đai và chế tài tương ứng

Trong xã hội Tây Nguyên xa xưa, đất đai rất rộng lớn trong khi dân số các dân tộc thiểu số tại chỗ rất ít nên việc xảy ra tình trạng thiếu đất gần như không có. Trong mỗi buôn làng, các thành viên đều biết rõ ranh giới đất đai của người khác đến đâu, cây nào đã do ai đánh dấu, thậm chí cả những mảnh đất luân canh đều được đánh dấu rõ. Họ cũng biết ranh giới của các diện tích đất công như rừng thiêng, giọt nước, rừng đầu nguồn cấm khai thác, khu vực nào và những cây nào chỉ thuộc quyền khai thác của chủ đất. Trong bối cảnh đất nhiều, người ít và sinh sống thành cộng đồng hẹp như vậy, các

(16). Điều 1 Luật tục Ba Na. Xem: Buôn Krông Tuyết Nhung, sđd, tr. 645, 646.

(17). Vũ Đình Lợi, Bùi Minh Đạo, Vũ Thị Hồng, sđd, tr. 52; Điều 1 Luật tục Ba Na, xem: Buôn Krông Tuyết Nhung, sđd, tr. 647.

hình thức vi phạm đất đai thường không có nhiều. Luật tục cũng ghi nhận khá khiêm tốn về các vi phạm đất đai và chế tài tương ứng.

Hành vi thường được luật tục các dân tộc thiểu số tại chỗ đề cập như hành vi vi phạm đất đai đáng bị trừng trị nhất là hành vi loạn luân. Thật kì lạ là hành vi này được cả luật tục Ba Na và luật tục Ê Đê xếp vào loại tội hàng đầu xâm phạm tới đất đai mặc dù nó không trực tiếp động chạm tới tác đất cụ thể nào. Sợi dây liên hệ giữa đất đai và tội loạn luân có lẽ chủ yếu mang tính tâm linh nhiều hơn là thực tế. Như đã đề cập, đối với người Tây Nguyên đất đai mang giá trị tinh thần và tâm linh rất lớn, đó là di sản thiêng liêng của tổ tiên, ông bà để lại cho con cháu, đó là không gian và điều kiện tiên quyết cho sự sinh tồn của dân tộc, của cộng đồng, của buôn làng. Không duy trì được đất đai có nghĩa là mất đi sự sinh tồn. Tội loạn luân ẩn chứa một quan niệm tương tự song ở chiều hoàn toàn ngược lại. Hành vi loạn luân có thể ảnh hưởng tới sự tồn vong của giống nòi. Chính vì vậy mà nó bị phỉ báng và có lẽ do vậy mà có sự liên hệ rằng, tội loạn luân là sự phỉ báng tới đất đai và thông qua hình ảnh đó là phỉ báng tổ tiên. Luật tục Ba Na và luật tục Ê Đê đều lên án và trừng trị nặng hành vi này như hành vi báng bổ sự thiêng liêng của đất đai, có thể đem lại đại họa cho dân làng.⁽¹⁸⁾

Bên cạnh hành vi loạn luân, hành vi xâm chiếm đất đai cũng bị lên án trong luật tục

Tây Nguyên. Luật tục Ê Đê quy định rằng, xâm chiếm đất đai của người khác là hành vi bị cấm mà không quy định cụ thể về mức phạt. Trong trường hợp này, mức phạt có lẽ sẽ được xác định qua quá trình xét xử dưới hình thức phạt mà người xâm chiếm phải trả cho người có đất bị xâm chiếm.

Người Ba Na quan niệm về tội xâm chiếm đất đai cụ thể hơn so với người Ê Đê, theo đó phân chia thành hai trường hợp xâm chiếm đất đai:⁽¹⁹⁾

- Trường hợp xâm phạm bến nước là khu vực đất công của làng thì bị phạt trâu. Trâu được làm thịt cúng bến nước và khao cả làng. Đây là hình phạt rất nặng bởi bến nước hay giọt nước là khu vực đất sinh hoạt trung tâm của buôn làng, có vị trí sống còn với buôn làng. Xâm phạm tới giọt nước là xâm phạm tới sự tồn tại của buôn làng.

- Trường hợp xâm chiếm đất đai của người khác thì được coi là hành vi nhẹ hơn. Tuy nhiên, mức độ nặng nhẹ tùy thuộc vào diện tích xâm chiếm. Nếu xâm chiếm diện tích 1 sào thì bị phạt một con heo, nếu xâm chiếm diện tích 1 mẫu thì phạt một con trâu. Tất nhiên đất phải được trả lại cho người chủ hợp pháp.

Ngoài các hành vi xâm phạm đất đai bị nghiêm cấm và xử phạt nặng trên đây, luật tục Ba Na còn quy định thêm hai hành vi nữa cũng bị coi là xâm phạm đất đai là hành vi không trông nom đất đai, bỏ hoang không coi sóc đất đai và hành vi chôn người chết trong rẫy của người khác.

(18). Điều 4 Luật tục Ba Na. Xem: Buôn Krông Tuyết Nhung, sdd, tr. 652 - 654; Điều 235, Chương XI Luật tục Ê Đê, xem: Ngô Đức Thịnh, Chu Thái Sơn, sdd, tr. 225.

(19). Điều 4 Luật tục Ba Na. Xem: Buôn Krông Tuyết Nhung, sdd, tr. 118.

Đối với hành vi không trông nom đất đai, bỏ hoang không coi sóc đất đai, chủ đất có thể bị tịch thu đất.

“Điều 3. Tội không trông nom đất đai, ruộng rẫy

Đất đầu như con ngựa không chủ

Đất đầu như con trâu không có người chăn

Có chòi thì phải giữ, có đất thì phải chăm

Đất tốt thì cây mới xanh

Cây chuối, cây mía mọc xum xuê

Để nước không ngừng chảy, cá không ngừng bơi

Nếu có kẻ coi đất như con bò non trong rừng

Nếu có kẻ coi đất như con nghé trong thung

Đất không chăm, rẫy không dọn

Khi vượn tới phá, thú rừng tới đập

Hắn làm cho thần linh nổi giận đem tai họa, dịch bệnh tới buôn làng

Thì cả làng bắt tội hắn, đất bị làng thu thì hắn phải chịu”.⁽²⁰⁾

Đối với hành vi chôn người chết trong rẫy của người khác, người vi phạm phải cúng tẩy uế đất bằng trâu và hiến cho chủ đất một con heo.

“Điều 5. Tội chôn người chết trong rẫy người khác

Thân người chết hắn đem chôn rẫy người khác

Làm cho đất đai ra ô uế, mùa màng ra thui chột

Cây lúa không ra bông, cây bắp không ra trái

Trồng mía không lớn, trồng mít không ra quả

Thần Đất giận mà bỏ đi

(20). Điều 3 Luật tục Ba Na. Xem: Buôn Krông Tuyết Nhung, sđd, tr. 650 - 651.

Thần Lúa sợ mà chạy mất

Con cháu người hóa ra nghèo đói

Chuyện xui rủi là do hắn gây ra

Hắn phải đem tẩy uế đất bằng trâu

Hắn phải đem hiến sinh chủ đất bằng một con heo

Cúng cho Thần Lúa trở về

Cúng cho Thần Đất bớt giận

Nếu tội hắn đã nhận, lỗi hắn đã đền

Chuyện xui xẻo được rửa sạch

Thì tội của hắn được xóa, lỗi của hắn được tha”.⁽²¹⁾

Như vậy, các hành vi xâm phạm tới đất đai được quy định khá cụ thể trong luật tục Tây Nguyên, bao gồm từ các hành vi mang tính trừu tượng, mang tính tâm linh, bị coi là xâm phạm tới đất đai mặc dù không trực tiếp tác động tới đất đai như hành vi loạn luân, cho tới các hành vi trực tiếp tác động, chuyển dịch đất đai như xâm chiếm đất đai của người khác hoặc chuyển nhượng đất đai ra bên ngoài cộng đồng. Số lượng các hành vi bị cấm còn tương đối hạn chế thể hiện quan niệm về xâm phạm đất đai trong một xã hội khá ban sơ. Tương tự, chế tài đối với xâm phạm cũng mang đậm màu sắc luật tục với các hình thức trả lại nguyên trạng kết hợp phạt bằng hiện vật.

3. Giải quyết tranh chấp đất đai theo luật tục Tây Nguyên

Trong luật tục cổ truyền các dân tộc Tây Nguyên không có phương thức riêng biệt dành cho giải quyết tranh chấp đất đai. Tranh chấp đất đai cũng được coi như các loại tranh chấp khác trong cộng đồng và

(21). Điều 5 Luật tục Ba Na. Xem: Buôn Krông Tuyết Nhung, sđd, , tr. 655.

được giải quyết theo phương thức chung, tùy theo mức độ nghiêm trọng của vi phạm.

Trong luật tục truyền thống, việc giải quyết tranh chấp của buôn làng Tây Nguyên được thực hiện bởi những người am hiểu, thông thuộc luật tục của buôn làng. Trong mỗi buôn làng, người am hiểu luật tục thường là những người già cả, hiểu biết, được mọi người kính trọng và tôn vinh. Người Ê Đê gọi họ là “Pô Phát Kđi”, người Ba Na gọi họ là “Kon Plei”. Trong mỗi dòng họ cũng có thể có những người như vậy.

Cơ chế phân xử các tranh chấp được chia thành các cấp độ khác nhau.

- Nếu tranh chấp nhỏ giữa những người trong cùng một gia đình hay một dòng họ thì người phân xử là những người hiểu biết, có uy tín trong dòng họ.⁽²²⁾ Nếu giải quyết không được thì mới đưa ra buôn làng.

- Nếu tranh chấp giữa hai người trong cộng đồng không thuộc một gia đình, một dòng họ thì buôn làng sẽ cử ra một người thông thạo luật lệ để giải quyết. Nếu tranh chấp có liên quan tới hai dòng họ thì mỗi dòng họ có thể cử một người đại diện của họ mình để tranh cãi với bên kia. Người Ê Đê gọi người đại diện đó là “Dăm dei”.

Ở một số cộng đồng thiểu số tại chỗ Tây Nguyên, ví dụ vùng dân tộc Gia Rai, trong các giao dịch về đất đai thường xuất hiện một nhân vật đặc biệt gọi là “Chành Rành”. Chành Rành thường là người sống trong cộng đồng, có hiểu biết về luật tục, hiểu biết về cộng đồng, buôn làng tại chỗ. Khi thực hiện giao dịch về đất đai, các bên thường

buộc phải tìm một người vừa để làm môi giới, vừa để xác nhận đất đai đúng là thuộc về bên chuyển nhượng, đủ cơ sở để giao dịch và làm chứng cho giao dịch. Nói cách khác, Chành Rành là bên thứ ba trong giao dịch và có thể chứng nhận cho các thông tin chi tiết liên quan tới giao dịch. Chính vì vậy khi phát sinh các tranh chấp liên quan tới giao dịch đất đai, ví dụ một người đòi đất đã được bán cho một người khác hoặc đã bị anh, em của mình bán cho người khác... thì việc phân xử thường sẽ phải chờ đến khi người phân xử tìm được Chành Rành của giao dịch đó để cung cấp thông tin phục vụ cho việc xét xử.

Quá trình xét xử bắt đầu bằng các nỗ lực hoà giải giữa hai bên. Người phân xử bằng uy tín và kiến thức của mình giảng giải, phân tích đúng sai cho hai bên để hai bên có thể hiểu những bất đồng của nhau, biết lẽ đúng sai để giảng hoà. Sau khi giảng hoà, bên sai đồng ý chịu phạt và bên nhận đồng ý nhận phạt, trên cơ sở đó hai bên cam kết bỏ qua câu chuyện và không bao giờ nhắc lại câu chuyện đó nữa. Có thể nói, đa phần các tranh chấp trong cộng đồng buôn làng cổ truyền là tranh chấp nhỏ được giải quyết ổn thoả bằng cách thức này, ví dụ xích mích trong gia đình, mất trộm lợn, gà, con cái vô lễ với cha mẹ, thậm chí tranh chấp đất đai đơn giản...⁽²³⁾

Đối với những tranh chấp phức tạp, tức là không tiến hành hoà giải giữa hai bên được mà cần vai trò tích cực hơn của người phân xử thì sẽ tiến hành theo các thủ tục chặt

(22). Buôn Krông Tuyết Nhung, sđd, tr. 134.

(23). Huỳnh Thủy, *Quan toà dân gian*, Báo điện tử Tiền phong, <https://www.tienphong.vn/xa-hoi/quan-toa-dan-gian-1057602.tpo>, truy cập 11/12/2019.

chẽ và mang tính nghi lễ cao hơn. Đối với người Ê Đê, nếu vụ kiện liên quan tới hai dòng họ thì Dăm dei của hai dòng họ sẽ gặp gỡ để giải quyết với nhau. Nếu hai bên không giải quyết được, Pô Phat Kđi sẽ tổ chức phân xử. Diễn biến của phiên xử được thực hiện qua các bước mô tả như sau:

- Bước 1: Pô Phat kđi điểm xem những người cần phải có mặt đã đầy đủ chưa. Nếu thiếu ai (đương sự, đại diện dăm dei hai bên dòng họ) thì cho người đi gọi.

- Bước 2: Người xử kiện yêu cầu hai bên đương sự tháo vòng đeo tay cho mình cầm. Khi đã thực hiện hành động như vậy, tức là hai đương sự đã thừa nhận và chấp thuận cho người xử kiện quyền chất vấn, chỉ ra phải trái, quyết định ai đúng, ai sai và xử phạt theo luật tục.

- Bước 3: Người xử kiện dùng lời nói vắn tắt “khai mạc” buổi hoà giải. Nội dung lời nói vắn thường như sau: “*Vì sự việc đó mà người ấy ngủ không yên, ở không ổn, đi làm rầy không được vui. Người đó cầm vòng tay vấy bẩn mang đến nhà tù trưởng, cầm vòng tay oan ức đến nhà giàu có, mong họ lo cho việc này công bằng, ổn thoả. Vòng tay khởi kiện đã đến nhà tù trưởng, vòng tay vấy bẩn người ta đã nhận được rồi. Bây giờ mọi người đều có mặt ở đây đông đủ, có nhiều cái sừng, đầu óc ai tài giỏi giúp cho việc hoà giải. Chúng ta đều không đứng về phía bên này, cũng không đứng về phía bên kia, mà đứng ở giữa. Ai biết nhiều nói nhiều, ai biết ít nói ít, nói lời vừa phải cho hợp lòng nhau*”.

- Bước 4: Tiếp đến, Pô Phat kđi yêu cầu người khởi kiện tường thuật lại sự việc mà

người đó nhờ “toà án phong tục” phân xử. Nếu người khởi kiện nói chỗ nào không rõ ràng, tình tiết nào không có sức thuyết phục thì người xử kiện yêu cầu nói lại cho rõ. Trường hợp tranh cãi nhau khó ngã ngũ, người xử kiện mời nhân chứng hoá giải tình hình. Tiếp đến ông ta hỏi họ hàng hai bên đương sự có ý kiến gì không? Nếu không có ai có ý kiến gì thì Pô Phat kđi tham khảo ý kiến của dăm dei hai dòng họ lần cuối để đưa ra quyết định cuối cùng là ai đúng ai sai. Pô Phat kđi dùng lời thơ luật tục để kết thúc phần “nghị án” như sau: *Con luôn sống dưới bùn lầy đã phơi lên bờ, tôm tép trong rêu đã phơi ra ngoài, kẻ này sai, người kia đúng đã rõ ràng. Người đúng muốn đòi phạt heo mấy con, heo mấy gang để bên sai làm cúng cho mình*.

- Bước 5: Nếu người thắng kiện yêu cầu phạt người thua kiện nặng quá (không theo quy định của luật tục) thì người xử kiện động viên người đó giảm bớt để thể hiện tình làng nghĩa xóm. Để thuyết phục được người thắng kiện, nhiều khi người xử kiện phải huy động hết khả năng ăn nói của mình để lôi cuốn đám đông ủng hộ ý tưởng của mình. Ngược lại, nếu thấy người thắng kiện chỉ đòi phạt nhẹ hơn nhiều theo quy định của tập tục thì người xử kiện yêu cầu đương sự mời họ hàng ra ngồi ở một góc riêng để bàn bạc thống nhất. Thông thường họ hàng đều tôn trọng, đồng tình với ý kiến của người thân khi thắng kiện. Mỗi khi sự việc đã có sự thống nhất của mọi người trong buổi phân xử thì người xử kiện mới tuyên bố mức phạt. Sau khi đã thống nhất mức phạt đền một cách công khai, dân chủ như trên, người xử kiện đề nghị hai bên đương sự đưa

tay ra đeo vòng đồng và chạm vòng đồng vào nhau. Hành động này được coi như là lời cam kết thực hiện theo sự phán xét của người xử kiện.⁽²⁴⁾

Có những trường hợp vụ kiện phức tạp, không những không hoà giải được mà còn xuất hiện những tình tiết trái chiều, khó xác định tính chân thực của vụ việc thì Pô Phat Kđi của người Ê Đê có thể mời thêm cả những Pô Phat Kđi từ những buôn làng khác để cùng ngồi xử, một hình thức để gia tăng uy tín và tính chính thống cho thiết chế phân xử theo luật tục của cộng đồng.⁽²⁵⁾

Qua những phân tích và minh họa trên đây có thể thấy cơ chế phân xử tranh chấp đất đai truyền thống ở Tây Nguyên được áp dụng khá linh hoạt. Cơ chế đó có thể được thực hiện thông qua vai trò một người trong dòng họ hoặc trong cộng đồng phân xử, cũng có thể là một hội đồng hoặc nhiều người cùng phân xử. Dù được thực hiện theo hình thức nào thì cơ chế phân xử tranh chấp đất đai ở Tây Nguyên đã thể hiện những giá trị tiến bộ sau:

Thứ nhất, việc phân xử tranh chấp luôn đề cao tinh thần hoà giải, làm lành, nhằm khép lại vụ việc trong sự hoá giải giữa hai bên. Các thủ tục phân xử đều bắt đầu bằng thủ tục hoà giải giữa hai bên. Việc hoà giải có thể được thực hiện chỉ giữa hai bên, cũng

có thể được thực hiện giữa đại diện của hai dòng họ có tranh chấp. Vai trò của người giải quyết tranh chấp lúc này là phân tích hơn thiết, đúng sai để các bên làm lành với nhau. Chỉ khi nào hoà giải không thành thì việc phân xử theo đúng nghĩa mới thực sự diễn ra với vai trò tích cực hơn của già làng với vai trò là người phân xử. Mặc dù vậy, ngay cả khi đó thì các bên vẫn luôn có cơ hội để tiếp tục hoà giải với nhau. Một khi hai bên hoà giải được, tức là tự tìm được giải pháp chung phù hợp thì đó là phương thức giải quyết triệt để nhất cho tranh chấp. Trong trường hợp việc phân xử kết thúc bằng kết luận bên đúng, bên sai của già làng thì khi đó thường xuyên đi kèm với việc phạt bằng hiện vật, thường là bằng đơn vị gia súc và rượu. Những đồ vật này không phải để bên thắng tích trữ mà là để cúng, để khao dân làng. Việc khao phạt này có giá trị biểu tượng làm lành rất cao bởi ăn khao xong thì coi như tội lỗi cũng tiêu tan và khúc mắc giữa hai bên được hóa giải. Với bản tính người Tây Nguyên thường không nhắc lại chuyện hằn thù cũ nên có thể nói sau khi cúng phạt xong thì tranh chấp hai bên cũng đã được giải quyết một cách triệt để.

Thứ hai, cho dù thiết chế phân xử dưới hình thức, quy mô nào thì cũng luôn đề cao uy tín của người phân xử và việc phân xử luôn coi trọng lí lẽ. Qua nghiên cứu cơ chế phân xử tranh chấp truyền thống của Tây Nguyên cho thấy người phân xử luôn phải là người được dân làng tôn trọng và suy tôn. Điều đó có nghĩa là người phân xử phải là những người có đạo đức, có nhân cách, cao hơn cả là có hiểu biết về luật tục, có trình độ phân giải lí lẽ và thuyết phục người khác.

(24). Đỗ Hồng Kỳ, “Hình thức phân xử của luật tục Ê Đê trong xã hội cổ truyền và xã hội đương đại”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 01/2013, tr. 74 – 82.

(25). Hồng Thu, *Kí sự rừng sâu - Bài cuối: Già làng thời @ xử kiện*, Báo điện tử Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh, <https://plo.vn/van-hoa/ho-so-phong-su/ky-su-rung-sau-bai-cuoi-gia-lang-thoi-xu-kien-621114.html>, truy cập 11/4/2020.

Những phẩm chất đó mới là yếu tố đem lại uy tín và sự thuyết phục trong quá trình phân xử. Như vậy, không phải ai cũng có thể được chấp nhận là người phân xử tranh chấp. Những người không có những năng lực và phẩm chất kể trên không thể trở thành những Pô Phat Kđi của người Ê Đê hay Kon Plei của người Ba Na. Quá trình phân xử của luật tục Tây Nguyên rất coi trọng lí lẽ. Già làng khi phân xử luôn dùng lí lẽ, cho dù lí lẽ được thể hiện qua ca từ của luật tục hay qua phương pháp phân xử. Hiếm khi thấy các vụ phân xử mang tính áp đặt ý chí của người phân xử. Các ví dụ minh họa trên đây đã cho thấy điều đó. Yếu tố này có thể làm cho việc phân xử kéo dài hoặc thậm chí không thành công song một khi nó phát huy tác dụng thì hiệu quả phân xử tranh chấp sẽ là triệt để.

Thứ ba, quá trình phân xử tranh chấp luôn thể hiện tính khách quan, trung thực, công khai và minh bạch. Già làng khi phân xử không bao giờ được thể hiện mình thiên vị một bên nào. Cho dù việc phân xử có thể diễn ra ở nhà của bên nguyên đơn như trong trường hợp của luật tục Ê Đê thì cũng không có nghĩa là bên nguyên đơn được coi trọng hơn bên bị đơn. Đặc biệt, quá trình xét xử luôn công khai và minh bạch. Các bên trong tranh chấp đều có quyền phát biểu ý kiến của mình, thậm chí hai dòng họ tranh chấp còn được cử người hiểu biết của dòng họ làm đại diện tranh cãi với nhau. Quá trình phân xử thường diễn ra công khai với sự tham dự của đông đảo dân làng. Vụ kiện càng phức tạp thì tính công khai càng cao.

Thứ tư, việc phân xử tranh chấp theo luật tục Tây Nguyên rất coi trọng chứng cứ. Đây là yếu tố đem lại tính thuyết phục cho quá

trình xét xử. Đối với các giao dịch đất đai có sự tham gia của Chành Rành như đề cập trên đây thì thường người ta sẽ đợi cho đến khi tìm được Chành Rành ra làm chứng về giao dịch thì mới tiến hành xét xử. Điều này là rất có ý nghĩa đối với việc phân xử các tranh chấp về giao dịch đất đai bởi nó tạo cơ sở chắc chắn để đưa ra kết luận phân xử.

Có thể thấy cơ chế giải quyết tranh chấp theo luật tục khi tiến hành mang dáng dấp cổ xưa và truyền thống song người Tây Nguyên luôn rất coi trọng các giá trị phổ biến của công lí, công bằng, sự hài hoà trong quá trình giải quyết tranh chấp. Đây thực sự là những giá trị tiến bộ cần được nhận rõ, phát huy và kế thừa bởi nó cũng phù hợp với những giá trị được đề cao trong hệ thống tài phán tranh chấp hiện đại./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hồng Kỳ, “Hình thức phân xử của luật tục Ê Đê trong xã hội cổ truyền và xã hội đương đại”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 1/2013.
2. Vũ Đình Lợi, Bùi Minh Đạo, Vũ Thị Hồng, *Sở hữu và sử dụng đất đai ở các tỉnh Tây Nguyên*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000.
3. Buôn Krông Tuyết Nhung, *Luật tục Bahnar*, Nxb. Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 2019.
4. Ngô Đức Thịnh, Chu Thái Sơn, *Luật tục Ê Đê (Tập quán pháp)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
5. Nguyễn Quang Tuyền, “Vai trò của luật tục Bahnar, Jrai trong quản lí sử dụng đất đai, môi trường và bảo vệ rừng”, *Tạp chí Luật học*, số 12/2012.